

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:121/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 12 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khiếu;
2. Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nông Qng H**, sinh năm 1970
Trú tại: Thôn 8, xã M, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: **Chị Lương Thị Q**, sinh năm 1976
Trú tại: Thôn 8, xã M, huyện LY, tỉnh YB; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nông Qng H trình bày:

Về Qn hệ hôn nhân: Năm 1997 anh H và chị Lương Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện LY, tỉnh YB ngày 08

tháng 5 năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng Q điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị Q có Quan hệ ngoại tình. Anh H và chị Q hiện tại sống ly thân, không Quan tâm đến nhau nữa. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Lương Thị Q.

Về con chung: Anh H, chị Q có hai con chung con lớn Nông Đức Giang, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1994; con nhỏ Nông Hoài Thanh, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1999 hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng chị Q không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chị Q vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H được ly hôn với chị Q. Về con chung đã trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối Qn hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của Anh Nông Quang H, do bị đơn chị Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn 8, xã M, Huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ Quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh YB có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do chị Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với Qn hệ hôn nhân: Anh Nông Quang H và chị Lương Thị Q kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện LY tỉnh YB ngày

08 tháng 5 năm 2004. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này Q lời khai của anh H, do Quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị Q có Quan hệ ngoại tình. Do đó anh H và chị Q đã sống ly thân.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng anh H, chị Q thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế, căn cứ biên bản xác minh ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Thôn 8, xã M, huyện LY, tỉnh YB.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Quang H được ly hôn với chị Lương Thị Q.

[3] Về con chung: Anh H, chị Q có hai con chung con lớn Nông Đức Giang, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1994; con nhỏ Nông Hoài Thanh, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1999 hiện hai con chung đã trưởng thành, do đó Hội đồng xét xử không xem xét việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nông Quang H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về Qn hệ hôn nhân: Anh Nông Qng H được ly hôn với chị Lương Thị Q.

2. Về án phí: Anh Nông Quang H phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2021/0002481 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY, tỉnh YB. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh H, chị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Hện;
- Thi hành án dân sự Hện;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Hện;
- Thi hành án dân sự Hện;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Hện;
- Thi hành án dân sự Hện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Hện;
- Thi hành án dân sự Hện;
- UBND xã Tô Mậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đỗ Quỳnh